

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 68-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 1996

NGHỊ ĐỊNH

**CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 68-CP NGÀY 01 THÁNG 11 NĂM 1996 QUY ĐỊNH CHI TIẾT VIỆC
THI HÀNH LUẬT KHOÁNG SẢN**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
Căn cứ Luật khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp;*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương 1:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Nghị định này quy định chi tiết việc thi hành Luật khoáng sản được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 3 năm 1996.

Điều 2.- Những quy định của Nghị định này được áp dụng đối với việc quản lý, bảo vệ, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và mọi hoạt động khoáng sản (khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản) tại Việt Nam của các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài.

Chương 2:

THẨM QUYỀN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN

Điều 3.-

1/ Bộ Công nghiệp thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về khoáng sản trong phạm vi cả nước, có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- a) Xây dựng, trình Chính phủ ban hành, ban hành theo thẩm quyền các văn bản pháp quy về quản lý, bảo vệ, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản.
- b) Tổ chức xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản trong phạm vi cả nước.

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành hữu quan ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, trình Chính phủ quyết định các chiến lược, quy hoạch, chính sách tài nguyên khoáng sản và phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản.

c) Tổ chức thẩm định, xét duyệt các đề án, thăm dò khoáng sản, báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác, chế biến khoáng sản, thiết kế mỏ theo quy định của Nghị định này.

d) Cấp, gia hạn, thu hồi và cho phép trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép chuyển nhượng quyền hoạt động khoáng sản theo quy định của Nghị định này.

e) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra các ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật về khoáng sản; tổ chức thanh tra chuyên ngành về khoáng sản theo quy định tại các Điều 58, 59 và 60 của Luật khoáng sản; kiểm tra, thanh tra các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản.

g) Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về hoạt động khoáng sản theo thẩm quyền quy định tại các Điều 57 và 62 của Luật khoáng sản.

h) Quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản.

i) Đăng ký, theo dõi, đánh giá, tổng hợp kết quả điều tra cơ bản về tài nguyên khoáng sản, tình hình hoạt động khoáng sản trong phạm vi cả nước và định kỳ báo cáo Chính phủ.

k) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ, ngành hữu quan trong việc bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác.

2/ Hệ thống tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lý Nhà nước về địa chất và khoáng sản của Bộ Công nghiệp Chính phủ có quy định riêng.

Điều 4.-

1/ Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ (dưới đây gọi chung là Bộ) theo chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công nghiệp trong việc quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản.

2/ Các Bộ có chức năng quản lý Nhà nước các ngành sản xuất, sử dụng và kinh doanh nguyên liệu khoáng có trách nhiệm:

a) Chủ động phối hợp với Bộ Công nghiệp, các Bộ, ngành hữu quan ở Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, trình Chính phủ quyết định các chính sách tài nguyên khoáng sản, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp khai thác, chế biến, sử dụng và kinh doanh, kể cả xuất nhập khẩu khoáng sản liên quan đến chức năng quản lý ngành của Bộ.

b) Phối hợp với Bộ Công nghiệp xây dựng, trình Chính phủ ban hành theo thẩm quyền các quy định hướng dẫn việc khai thác, bảo vệ, sử dụng tài nguyên khoáng sản liên quan đến chức năng quản lý ngành của Bộ.

c) Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các chiến lược, chính sách, quy hoạch và pháp luật về khoáng sản đối với đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ.

d) Phối hợp với Bộ Công nghiệp trong việc thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý Nhà nước hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản liên quan đến chức năng quản lý ngành của Bộ.

Điều 5.- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Bộ Công nghiệp theo chức năng của mình, phối hợp và thống nhất chỉ đạo việc hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực hoạt động khoáng sản. Bộ Công nghiệp chủ trì việc phối hợp với các Bộ, ngành ở Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và là cơ quan đầu mối về quản lý Nhà nước các hoạt động khoáng sản của tổ chức, cá nhân đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 6.- Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản đặt tại Bộ khoa học Công nghệ và Môi trường giúp Chính phủ trong việc thẩm định, xét duyệt trữ lượng các báo cáo thăm dò khoáng sản (trừ

khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường) để nghiên cứu khả thi về khai thác. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản Chính phủ có quy định riêng.

Điều 7.-

1/ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi chung là tỉnh) theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Ban hành theo thẩm quyền các quy định hướng dẫn thực hiện các quy định của Chính phủ và của Bộ Công nghiệp về quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản và quản lý các hoạt động khoáng sản ở địa phương.

b) Chủ động phối hợp với Bộ Công nghiệp, các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Quốc phòng, Nội vụ, Văn hoá - Thông tin, Nông nghiệp và phát triển nông thôn khoanh định các khu vực cấm hoạt động khoáng sản; xây dựng, tham gia xây dựng các quy hoạch phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn lãnh thổ.

c) Tổ chức, chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác ở địa phương, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên khác, bảo đảm an ninh trật tự xã hội, bảo vệ tính mạng và sức khoẻ của nhân dân, tài sản của Nhà nước và công dân.

d) Tổ chức thẩm định, phê duyệt các báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác, chế biến khoáng sản, thiết kế mỏ theo quy định của Nghị định này.

e) Cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và giấy phép khai thác tận thu theo thẩm quyền quy định của Nghị định này; tham gia ý kiến về việc cấp các loại giấy phép khác về hoạt động khoáng sản tại địa phương; trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình, giải quyết các điều kiện liên quan đến việc thuê đất, sử dụng cơ sở hạ tầng và các điều kiện liên quan khác cho các Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản tại địa phương. g) Tuyên truyền, giáo dục và giám sát, kiểm tra việc thi hành pháp luật về khoáng sản đối với mọi tổ chức, cá nhân ở địa phương.

h) Giải quyết hoặc tham gia giải quyết những vấn đề tranh chấp về hoạt động khoáng sản và xử lý các vi phạm pháp luật về khoáng sản phát sinh tại địa phương theo thẩm quyền quy định tại Điều 57 của Luật khoáng sản và các quy định khác của pháp luật.

2/ Sở Công nghiệp có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về khoáng sản theo quy định của Luật khoáng sản và Nghị định này. Nhiệm vụ, quyền hạn quản lý Nhà nước về khoáng sản của Sở công nghiệp do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp quy định.

Điều 8.- Ủy ban nhân dân các cấp quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh, thị xã, thị trấn, xã (dưới đây gọi chung là huyện, xã) theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1/ Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác ở địa phương, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên khác, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội, bảo vệ tính mạng và sức khoẻ của nhân dân, tài sản của Nhà nước và công dân.

2/ Trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình giải quyết các điều kiện liên quan đến việc thuê đất, sử dụng cơ sở hạ tầng và các điều kiện liên quan khác cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản tại địa phương theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3/ Tuyên truyền, giáo dục và giám sát việc thi hành pháp luật về khoáng sản; tham gia giải quyết những vấn đề tranh chấp về hoạt động khoáng sản và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật về khoáng sản phát sinh tại địa phương.

Điều 9.- Thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép chuyển nhượng quyền hoạt động khoáng sản quy định như sau:

1/ Bộ Công nghiệp cấp các loại giấy phép sau đây:

- Giấy phép khảo sát khoáng sản;
- Giấy phép thăm dò khoáng sản;
- Giấy phép khai thác, giấy phép chế biến khoáng sản các loại, trừ giấy phép khai thác, giấy phép chế biến khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 2 Điều này;
- Giấy phép khai thác, giấy phép chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đối với khu vực ranh giới của hai hoặc nhiều tỉnh hoặc trong trường hợp cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc liên doanh có bên nước ngoài.

2/ Ủy ban nhân dân tỉnh cấp các loại giấy phép sau đây đối với khu vực thuộc trách nhiệm quản lý hành chính của địa phương:

- Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản các loại đối với các khu vực đã được Bộ Công nghiệp khoáng sản định theo quy định tại Điều 66 của Nghị định này;- Giấy phép khai thác, giấy phép chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn cho tổ chức, cá nhân trong nước, trừ giấy phép khai thác, giấy phép chế biến khoáng sản các loại thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này. 3/ Cơ quan có thẩm quyền cấp loại giấy phép hoạt động khoáng sản nào thì có quyền gia hạn, thu hồi, cho phép trả lại loại giấy phép đó và có quyền cho phép chuyển nhượng quyền hoạt động khoáng sản theo loại giấy phép đó.

Chương 3:

ĐIỀU TRA CƠ BẢN ĐỊA CHẤT VỀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

Điều 10.- Điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản bao gồm các hoạt động sau đây:

- 1/ Điều tra, phát hiện tiềm năng tài nguyên khoáng sản đồng thời với việc lập bản đồ địa chất khu vực và nghiên cứu chuyên đề về địa chất.
- 2/ Đánh giá tiềm năng tài nguyên khoáng sản theo loại hoặc nhóm khoáng sản và đối với các cấu trúc địa chất có triển vọng.

Điều 11.- Hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản được thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch Nhà nước.

Bộ Công nghiệp trình Chính phủ quy hoạch, kế hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, Bộ Công nghiệp và Đầu tư thẩm định và trình Chính phủ phê duyệt.

Bộ Tài chính và Bộ Công nghiệp xây dựng Quy chế cấp phát, quản lý, thanh quyết toán vốn ngân sách Nhà nước đối với các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, trình Chính phủ ban hành.

Điều 12.- Các Tổ chức điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 1/ Đăng ký nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động điều tra cơ bản địa chất theo quy định của Bộ Công nghiệp.
- 2/ Tiến hành các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản theo dự án đã được phê duyệt và kế hoạch được giao.
- 3/ Thực hiện quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật trong điều tra địa chất do Bộ Công nghiệp ban hành.
- 4/ Bảo đảm sự trung thực, đầy đủ trong việc thu thập, tổng hợp tài liệu thông tin về địa chất và khoáng sản; giữ gìn bí mật Nhà nước những thông tin về khoáng sản theo quy định của pháp luật.
- 5/ Bảo vệ môi trường, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên khác trong khi tiến hành các hoạt động điều tra cơ bản địa chất.
- 6/ Nộp báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản vào lưu trữ địa chất Nhà nước và các mẫu vật địa chất, khoáng sản vào bảo tàng địa chất theo quy định của Bộ Công nghiệp.
- 7/ Được Nhà nước khen thưởng khi có thành tích trong việc nghiên cứu, phát hiện mới về địa chất và tài nguyên khoáng sản.
- 8/ Được phép gửi mẫu ra nước ngoài để phân tích, thử nghiệm theo quy định của Chính phủ.

Điều 13.- Mọi báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản phải được đánh giá, đăng ký và nộp vào lưu trữ địa chất Nhà nước theo quy định của Bộ Công nghiệp.

Cơ quan lưu trữ địa chất Nhà nước có trách nhiệm giữ gìn bí mật Nhà nước về tài nguyên khoáng sản, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi tổ chức, cá nhân được phép sử dụng kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và các thông tin, tư liệu về khoáng sản theo quy định của Bộ Công nghiệp.

Điều 14.- Bộ Công nghiệp quy định chi tiết về nội dung dự án điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản; về việc đăng ký Nhà nước nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, việc lưu trữ địa chất Nhà nước và bảo tàng địa chất, ban hành hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp quy, các định mức, đơn giá trong điều tra địa chất cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản.

Chương 4:

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Điều 15.- Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật khoáng sản bao gồm:

- 1/ Các Tổ chức Việt Nam có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về Doanh nghiệp Nhà nước, Doanh nghiệp tư nhân, Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác mà mục đích thành lập có nội dung hoạt động khoáng sản được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập đăng ký hoặc công nhận.
- 2/ Các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 16.- Tổ chức, cá nhân nói tại Điều 15 của Nghị định này muốn được cấp giấy phép hoạt động khoáng sản phải có đủ vốn đầu tư (kể cả vốn vay) để thực hiện dự án. Vốn pháp định của tổ

chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản không được ít hơn ba mươi phần trăm (30%) tổng dự toán vốn đầu tư của dự án xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

Điều 17.- Tổ chức, cá nhân hành nghề thăm dò khoáng sản phải có thiết bị kỹ thuật và trình độ chuyên môn theo quy định của Bộ Công nghiệp.

Điều 18.- Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản chỉ được tiến hành các hoạt động khai thác theo quy định trong giấy phép khi có Giám đốc điều hành mỏ có trình độ và năng lực quản lý về khai thác mỏ được công nhận theo quy định tại Điều 36 của Luật khoáng sản; trường hợp khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên hoặc khai thác tận thu Bộ Công nghiệp có quy định phù hợp.

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp quy định tiêu chuẩn trình độ và năng lực của Giám đốc điều hành mỏ.

Chương 5:

KHU VỰC, DIỆN TÍCH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Điều 19.- Khu vực cấm hoạt động khoáng sản là các khu vực phải bảo vệ hoặc được dành riêng cho các mục đích quan trọng của Nhà nước hoặc xã hội theo quy định của pháp luật.

1/ Khu vực cấm hoạt động khoáng sản bao gồm các khu vực: - Có di tích lịch sử, văn hoá đã được xếp hạng, đăng ký;

- Vườn rừng quốc gia, rừng phòng hộ; khu vực bảo tồn địa chất;
- Dành riêng cho mục đích quốc phòng, an ninh;
- Thuộc phạm vi bảo vệ đê, kè, bờ sông, cầu, quốc lộ, tuyến đường sắt;
- Dành riêng cho tôn giáo;
- Đô thị hoặc có công trình kết cấu hạ tầng quan trọng.

2/ Các Bộ Quốc phòng, Nội vụ, Văn hoá - Thông tin, Nông nghiệp và phát triển nông thôn theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh xác định ranh giới các khu vực cấm hoạt động khoáng sản trong phạm vi quản lý hành chính của từng tỉnh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chính phủ quyết định và thông báo bằng văn bản cho Bộ Công nghiệp về các khu vực cấm hoạt động khoáng sản.

3/ Đối với các khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản vì bất kỳ lý do gì theo quy định của pháp luật thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quản lý các khu vực đó có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bộ Công nghiệp và Ủy ban nhân dân tỉnh.

4/ Việc khai thác khoáng sản trong lòng đất thuộc phạm vi khu vực cấm hoạt động khoáng sản mà không sử dụng đất mặt cũng phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quản lý các khu vực đó thoả thuận bằng văn bản.

Điều 20.- Khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản là khu vực mà Nhà nước có chủ trương hạn chế dưới một hoặc các hình thức sau đây:

- Dành riêng cho một hoặc một số tổ chức nhất định của Nhà nước độc quyền hoạt động khoáng sản;
- Hạn chế sản lượng khai thác;

- Hạn chế xuất khẩu sản phẩm khai thác;

Khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản do Chính phủ quy định bằng văn bản riêng.

Điều 21.- Khu vực đấu thầu hoạt động khoáng sản bao gồm các khu vực sau đây:

- Khu vực có loại khoáng sản mà Chính phủ quy định phải đấu thầu thăm dò, khai thác;

- Khu vực hoặc mỏ khoáng đã được thăm dò bằng vốn Nhà nước, nay được đấu thầu hoặc chọn thầu khai thác.

Điều 22.-

1/ Diện tích khu vực khảo sát được cấp cho một giấy phép khảo sát khoáng sản không quá hai nghìn kilômét vuông (2000 km²) khoanh định theo toạ độ ô vuông, không hạn chế loại khoáng sản được khảo sát có trong khu vực. Trường hợp đặc biệt cần có diện tích lớn hơn 2000 km² Bộ Công nghiệp phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước khi cấp giấy phép.

2/ Giấy phép khảo sát khoáng sản có thể được cấp cho một số tổ chức, cá nhân cùng hoạt động trong một khu vực. Tổ chức, cá nhân nộp đơn xin thăm dò, khai thác trước và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật thì được xem xét trước.

Điều 23.-

1/ Thời hạn của một giấy phép khảo sát khoáng sản không quá mười hai (12) tháng.

2/ Giấy phép khảo sát khoáng sản đối với khu vực có diện tích từ một trăm kilômét vuông (100 km²) trở lên có thể được gia hạn một lần không quá mười hai (12) tháng, với điều kiện tại thời điểm xin gia hạn:

- Chưa có tổ chức, cá nhân nào nộp đơn xin thăm dò ở đó;

- Tổ chức, cá nhân được phép khảo sát đã hoàn thành mọi nghĩa vụ theo quy định trong giấy phép trước đó;

- Giấy phép khảo sát khoáng sản đang còn hiệu lực không ít hơn ba mươi ngày;

- Tổ chức, cá nhân được phép khảo sát khoáng sản phải nộp báo cáo kết quả khảo sát cho Bộ Công nghiệp làm rõ lý do xin gia hạn, chương trình tiếp tục khảo sát kèm theo đơn xin gia hạn giấy phép.

3/ Giấy phép khảo sát khoáng sản đối với khu vực có diện tích dưới một trăm kilômét vuông (100 km²) không được gia hạn.

Điều 24.-

1/ Diện tích khu vực thăm dò được cấp của một giấy phép thăm dò khoáng sản kim loại quý, đá quý không quá năm mươi kilômét vuông (50km²). Trường hợp đặc biệt cần diện tích lớn hơn 50 km² Bộ Công nghiệp phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước khi cấp giấy phép.

2/ Diện tích khu vực thăm dò được cấp của một giấy phép thăm dò than, khoáng sản kim loại (trừ kim loại quý), các khoáng sản không kim loại (trừ vật liệu xây dựng thông thường) ở vùng đất liền, có hoặc không có mặt nước, không quá một trăm kilômét vuông (100 km²). Trường hợp đặc biệt cần diện tích lớn hơn 100 km² Bộ Công nghiệp phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước khi cấp giấy phép.

3/ Diện tích khu vực thăm dò được cấp của một giấy phép thăm dò khoáng sản các loại ở vùng thềm lục địa không quá hai trăm kilômét vuông (200 km²). Trường hợp đặc biệt cần có diện tích lớn hơn 200 km² Bộ Công nghiệp phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước khi cấp giấy phép.

4/ Diện tích khu vực thăm dò được cấp của một giấy phép thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở vùng đất liền, có hoặc không có mặt nước, không quá hai kilômét vuông (2 km²).

5/ Diện tích khu vực thăm dò được cấp của một giấy phép thăm dò nước khoáng, nước nóng thiên nhiên không quá một kilômét vuông (1 km²).

6/ Một tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định tại các Điều 15 và 16 của Nghị định này có thể được cấp nhiều giấy phép thăm dò, nhưng không quá năm giấy phép và tổng diện tích thăm dò của các giấy phép đó không quá năm lần quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 của Điều này.

Điều 25.- Thời hạn của một giấy phép thăm dò khoáng sản, kể cả thời gian làm báo cáo kết quả thăm dò, báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác, ít nhất là sáu (6) tháng, nhiều nhất không quá hai mươi bốn (24) tháng, được gia hạn theo các điều kiện sau đây:

1/ Tại thời điểm xin gia hạn tổ chức, cá nhân được phép thăm dò đã hoàn thành mọi nghĩa vụ theo quy định trong giấy phép trước đó; giấy phép thăm dò đang còn hiệu lực không ít hơn ba mươi (30) ngày.

2/ Mỗi lần gia hạn phải trả lại ít nhất ba mươi phần trăm (30%) diện tích khu vực thăm dò theo giấy phép trước đó.

3/ Kèm theo đơn xin gia hạn gửi đến Bộ Công nghiệp phải có báo cáo kết quả thăm dò và chi phí thực tế, giải trình lý do xin gia hạn giấy phép, chương trình, kế hoạch và chi phí tiếp tục thăm dò.

4/ Giấy phép thăm dò khoáng sản quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 24 của Nghị định này được gia hạn nhiều nhất hai lần, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá hai mươi bốn (24) tháng; trong trường hợp giấy phép thăm dò đã được gia hạn, tổng thời gian thăm dò đã đủ bốn mươi tám (48) tháng, tổ chức, cá nhân được phép thăm dò đã thực hiện đầy đủ hoặc vượt khối lượng công việc và chi phí theo đề án mà vẫn chưa đủ căn cứ để lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc cần thêm thời gian để nghiên cứu khả thi về khai thác thì giấy phép thăm dò được cấp lại, nếu tổ chức, cá nhân được phép thăm dò có đơn xin hợp lệ.

5/ Giấy phép thăm dò khoáng sản quy định tại các khoản 4 và 5 Điều 24 của Nghị định này chỉ được gia hạn một lần và thời gian gia hạn không quá mười hai (12) tháng.

Điều 26.- Diện tích khu vực khai thác của một giấy phép khoáng sản được xác định trên cơ sở báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản đã được thẩm định và chấp thuận theo quy định tại Điều 44 của Nghị định này.

Điều 27.- Thời hạn của giấy phép khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản đã được thẩm định và chấp thuận theo quy định tại Điều 44 của Nghị định này, nhưng không quá ba mươi (30) năm, được gia hạn theo các điều kiện sau đây:

1/ Tại thời điểm xin gia hạn, tổ chức, cá nhân được phép khai thác đã hoàn thành mọi nghĩa vụ theo quy định của Luật khoáng sản và các quy định khác của pháp luật.

2/ Giấy phép khai thác đang còn hiệu lực không ít hơn ba (3) tháng.

3/ Kèm theo đơn xin gia hạn gửi đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép phải có báo cáo tổng hợp kết quả khai thác đến thời điểm xin gia hạn, diện tích và trữ lượng khoáng sản chưa khai thác của mỏ, chương trình, kế hoạch tiếp tục khai thác...

4/ Giấy phép khai thác khoáng sản được gia hạn nhiều lần trên cơ sở kế hoạch khai thác tiếp tục, được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép chấp thuận, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá hai mươi (20) năm.

Chương 6:

MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH VÀ QUYỀN TÀI SẢN

Điều 28.- Lệ phí giấy phép là lệ phí cấp, gia hạn các loại giấy phép hoạt động khoáng sản.

Bộ Tài chính quy định mức, thủ tục thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại lệ phí giấy phép.

Điều 29.-

1/ Lệ phí độc quyền thăm dò được tính trên đơn vị diện tích khu vực thăm dò và thời hạn hiệu lực của giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định sau đây:

Năm thứ 1: 200.000 đồng/km²-năm hoặc 20 USD/km²-năm; Năm thứ 2: 300.000 đồng/km²-năm hoặc 30 USD/km²-năm; Năm thứ 3: 400.000 đồng/km²-năm hoặc 40 USD/km²-năm; Năm thứ 4 trở đi: 500.000 đồng/km²-năm hoặc 50 USD/km²-năm;

2/ Lệ phí độc quyền thăm dò không áp dụng đối với giấy phép thăm dò mà thời hạn có hiệu lực của giấy phép, kể cả thời gian được gia hạn ít hơn mười hai (12) tháng và không áp dụng đối với hoạt động thăm dò trong khu vực khai thác của tổ chức, cá nhân được phép khai thác.

Bộ Tài chính quy định thủ tục thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí độc quyền thăm dò.

Điều 30.- Việc nộp tiền đặt cọc đối với giấy phép thăm dò được thực hiện một lần khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản mà giấy phép đó có thời hạn hiệu lực từ sáu (6) tháng trở lên; không áp dụng đối với giấy phép thăm dò có thời hạn hiệu lực dưới sáu (6) tháng và không áp dụng đối với giấy phép được hoạt động bằng vốn Nhà nước đầu tư trực tiếp.

Mức tiền đặt cọc bằng hai mươi lăm phần trăm (25%) giá trị dự toán chi phí thăm dò của năm thăm dò đầu tiên, được xác định trong đề án hoặc kế hoạch thăm dò đã được cơ quan cấp giấy phép chấp thuận.

Sau sáu (6) tháng, kể từ ngày giấy phép thăm dò khoáng sản có hiệu lực, công việc thăm dò không được tiến hành mà giấy phép bị chấm dứt hiệu lực thì tiền đặt cọc được nộp vào ngân sách Nhà nước.

Sau sáu (6) tháng, kể từ ngày giấy phép thăm dò khoáng sản có hiệu lực, công việc thăm dò đã được tiến hành đúng kế hoạch thì tổ chức, cá nhân được phép thăm dò có quyền nhận lại tiền đặt cọc.

Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản có quyền sử dụng hình thức quỹ tại một Ngân hàng Việt Nam hoặc Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam thay cho hình thức nộp tiền đặt cọc. Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục giao nộp, đăng ký, quản lý tiền đặt cọc hoặc ký quỹ đối với giấy phép thăm dò khoáng sản.

Điều 31.- Mức chi phí thăm dò tối thiểu tính bằng đơn vị đồng Việt Nam/km²-năm hoặc USD/km²-năm là chi phí tối thiểu để thực hiện các nhiệm vụ thi công kỹ thuật về thăm dò khoáng sản trên một đơn vị diện tích thăm dò một kilômét vuông (1 km²) trong một năm (12 tháng kể từ ngày giấy phép có hiệu lực). Dự toán chi phí của đề án thăm dò không được thấp hơn mức chi phí thăm dò tối thiểu.

Bộ Công nghiệp quy định mức chi phí thăm dò tối thiểu đối với từng đề án thăm dò cụ thể khi cấp hoặc gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản.

Điều 32.- Đối với giấy phép thăm dò khoáng sản kim loại quý, đá quý không phân biệt diện tích và giấy phép thăm dò khoáng sản khác có diện tích thăm dò lớn từ một trăm kilômét vuông (100 km²) trở lên, thời hạn hiệu lực của giấy phép đến hai (2) năm (24 tháng kể từ ngày giấy phép có hiệu lực) mà chi phí thăm dò thực tế để thực hiện đề án trong một thời kỳ hai (2) năm thấp hơn chi phí dự toán tính theo mức tối thiểu do Bộ Công nghiệp quy định thì phần giá trị chênh lệch đó phải nộp vào ngân sách Nhà nước, khi giấy phép thăm dò hết hạn hoặc được gia hạn.

Điều 33.- Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò phải thực hiện khối lượng công việc thăm dò và chi phí tương ứng theo đề án, kế hoạch thăm dò đã được Bộ Công nghiệp chấp thuận.

Trường hợp chi phí thăm dò thực tế của năm trước lớn hơn dự toán và kế hoạch thăm dò trong năm đó thì phần giá trị chi vượt được tính vào chi phí thực tế của năm kế sau.

Điều 34.-

1/ Tổ chức, cá nhân sử dụng số liệu thông tin của Nhà nước về kết quả khảo sát, thăm dò khoáng sản phải trả tiền cho Nhà nước theo phương thức thanh toán gọn một lần hoặc trả dần theo sản lượng khai thác.

2/ Tổ chức, cá nhân đã hoàn tất việc trả tiền sử dụng thông tin về kết quả khảo sát, thăm dò khoáng sản của Nhà nước theo phương thức thanh toán gọn một lần có toàn quyền sử dụng, chuyển nhượng các thông tin đó cho tổ chức, cá nhân khác.

3/ Tổ chức, cá nhân được trả tiền sử dụng thông tin về kết quả khảo sát, thăm dò khoáng sản của Nhà nước theo phương thức trả dần theo sản lượng khai thác có quyền sử dụng thông tin đó cho hoạt động khoáng sản của mình nhưng không được chuyển nhượng, bán hoặc tiết lộ những thông tin đó cho tổ chức, cá nhân khác.

Bộ Tài chính và Bộ công nghiệp hướng dẫn phương pháp xác định giá trị, phương thức, thủ tục thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả khảo sát, thăm dò khoáng sản của Nhà nước.

Điều 35.-

1/ Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản có quyền sử dụng, chuyển nhượng những thông tin về kết quả khảo sát, thăm dò khoáng sản do mình đầu tư toàn bộ vốn khảo sát, thăm dò.

2/ Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản sử dụng một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư của Nhà nước để khảo sát, thăm dò khoáng sản không có quyền cung cấp, chuyển nhượng thông tin về kết quả khảo sát, thăm dò khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp cung cấp những thông tin đó cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc có trách nhiệm quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

3/ Sau sáu (6) tháng kể từ ngày giấy phép thăm dò khoáng sản hết hạn mà tổ chức, cá nhân được phép thăm dò không nộp đơn xin giấy phép khai thác hoặc sau sáu (6) tháng kể từ ngày giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn mà tổ chức, cá nhân được phép khai thác không nộp đơn xin

gia hạn giấy phép khai thác thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác những thông tin về khoáng sản có liên quan đến các giấy phép đó.

Điều 36.- Khi được phép chuyển nhượng hoặc để thừa kế quyền thăm dò hoặc quyền khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân được phép thăm dò hoặc khai thác khoáng sản có quyền chuyển nhượng hoặc để thừa kế mọi tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình, kể cả số liệu thông tin, mẫu vật về địa chất và khoáng sản, các công trình và thiết bị đã được thi công, xây dựng, trang bị gắn liền với đất mỏ.

Khi quyền khai thác khoáng sản được phép chuyển nhượng thì Hợp đồng thuê đất được ký lại, không phải làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Việc chuyển nhượng tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước đã giao cho tổ chức, cá nhân được phép thăm dò hoặc khai thác khoáng sản sử dụng tuân theo các quy định của pháp luật.

Điều 37.- Khi giấy phép thăm dò hoặc khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực thì quyền sở hữu đối với những tài sản liên quan đến hoạt động thăm dò hoặc khai thác khoáng sản tuân theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 30 và các điểm b và c, khoản 2, Điều 40 của Luật khoáng sản.

Bộ Tài chính và Bộ công nghiệp hướng dẫn phương pháp xác định giá trị tài sản chuyển giao và thủ tục chuyển giao tài sản của tổ chức, cá nhân được phép thăm dò, khai thác khoáng sản cho Nhà nước trong trường hợp giấy phép chấm dứt hiệu lực theo quy định của Luật khoáng sản và các quy định khác của pháp luật.

Điều 38.- Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải ký quỹ tại một Ngân hàng Việt Nam hoặc Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam một khoản tiền bảo đảm cho việc phục hồi môi trường và đất đai khi kết thúc hoạt động từng phần diện tích và khi đóng cửa mỏ.

Mức tiền phải ký quỹ để phục hồi môi trường và đất đai căn cứ vào quy trình, tiến độ khai thác, phục hồi và dự toán chi phí phục hồi xác định trong báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế mỏ và báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm định và chấp thuận.

Bộ Tài chính và Bộ Công nghiệp, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định phương pháp xác định mức và hướng dẫn thủ tục đăng ký, quản lý, sử dụng tiền ký quỹ để phục hồi môi trường, đất đai trong khai thác khoáng sản.

Điều 39.- Bộ Tài chính xây dựng, trình Chính phủ ban hành chế độ phân phối, sử dụng các khoản thu của Nhà nước trong hoạt động khoáng sản để thực hiện chính sách bảo hộ quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến theo quy định tại Điều 7 của Luật khoáng sản và để bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác.

Điều 40.- Đối với những mỏ khoáng có vai trò chiến lược trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước mà việc thu hút vốn đầu tư từ các nguồn vốn khác khó khăn thì doanh nghiệp Nhà nước được vay vốn tín dụng ưu đãi từ nguồn vốn Nhà nước để đầu tư khảo sát, thăm dò khoáng sản; trong trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cấp vốn Nhà nước để đầu tư trực tiếp cho thăm dò. Vốn Nhà nước đầu tư thăm dò khoáng sản phải được thu hồi dần khi đưa mỏ vào khai thác, nếu gặp rủi ro được xem xét, miễn giảm thu hồi theo đề nghị của Bộ Công nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

Chương 7:

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN, BÁO CÁO TRONG HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Điều 41.- Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản có quyền tự mình thực hiện hoặc thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn về địa chất, khai thác mỏ có tư cách pháp lý lập hoặc thẩm định các đề án, dự án, thiết kế mỏ, đóng cửa mỏ trong hoạt động khoáng sản.

Điều 42.-

1/ Bộ Công nghiệp tổ chức thẩm định các đề án khảo sát, thăm dò khoáng sản trước khi quyết định cấp giấy phép khảo sát, giấy phép thăm dò.

2/ Nội dung thẩm định đề án gồm:

- Vị trí, ranh giới và diện tích;
- Cơ sở địa chất và các mục tiêu khảo sát, thăm dò (đối tượng khoáng sản, số lượng, mức độ nghiên cứu);
- Kỹ thuật và công nghệ;
- Tác động môi trường sinh thái, tài nguyên, công trình và tài sản khác;
- Thời hạn và tiến độ hoạt động;
- Dự toán chi phí.

3/ Bộ trưởng Bộ Công nghiệp căn cứ kết quả thẩm định để phê duyệt các đề án khảo sát, thăm dò sử dụng một phần hoặc toàn bộ vốn Nhà nước.

4/ Đối với đề án không sử dụng vốn Nhà nước thì nội dung chấp thuận đề án được xác định trong giấy phép khảo sát, giấy phép thăm dò khoáng sản.

Điều 43.-

1/ Mọi báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản sử dụng một phần hoặc toàn bộ vốn Nhà nước đều phải được thẩm định và phê duyệt trước khi nộp vào lưu trữ địa chất Nhà nước hoặc để nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản.

2/ Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản không sử dụng vốn Nhà nước nếu là tài liệu để nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản cũng phải được thẩm định bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định tại các khoản 4 và 5 Điều này.

3/ Yêu cầu và nội dung thẩm định báo cáo thăm dò khoáng sản bao gồm:

- Độ tin cậy về số lượng, chất lượng khoáng sản kể cả khoáng sản đi kèm; phát hiện thiếu sót của việc thăm dò dẫn đến bỏ sót tài nguyên khoáng sản;
- Mức độ và chất lượng của việc xác định các điều kiện địa chất thuỷ văn, địa chất công trình, các điều kiện về kỹ thuật, công nghệ liên quan đến việc lựa chọn công nghệ khai thác, chế biến, sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản;
- Kết quả thăm dò, hiệu quả đầu tư thăm dò (nếu sử dụng vốn Nhà nước) so với mục tiêu của đề án đã được thẩm định, chấp thuận hoặc phê duyệt.

4/ Bộ Công nghiệp thẩm định và phê duyệt các báo cáo thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường được sử dụng để nghiên cứu khả thi về khai thác.

5/ Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản thẩm định và phê duyệt trữ lượng các báo cáo thăm dò được sử dụng để nghiên cứu khả thi về khai thác các loại khoáng sản, trữ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

Điều 44.-

1/ Việc thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản thuộc các dự án đầu tư trong nước tuân theo quy định của Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng do Chính phủ ban hành.

2/ Việc thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản thuộc các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài tuân theo quy định của Quy chế hình thành, thẩm định và thực hiện dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài do Chính phủ ban hành.

Điều 45.-

1/ Tổ chức, cá nhân thẩm định thiết kế mỏ phải là tổ chức, cá nhân độc lập về lợi ích đối với tổ chức, cá nhân lập thiết kế và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định của mình.

2/ Thiết kế mỏ thuộc các dự án đầu tư khai thác khoáng sản bằng vốn Nhà nước đều phải được thẩm định và phê duyệt theo quy định sau đây:

a) Thiết kế mỏ dự án nhóm A do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp phê duyệt;

b) Thiết kế mỏ các dự án còn lại do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt.

3/ Thiết kế mỏ dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp thẩm định.

4/ Thiết kế mỏ dự án đầu tư của các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh do cơ quan chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản thẩm định.

5/ Bộ Công nghiệp hướng dẫn chi tiết nội dung thiết kế, thủ tục thẩm định và phê duyệt thiết kế mỏ.

Điều 46.- Bộ Công nghiệp quy định chế độ và nội dung báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản.

Điều 47.- Mọi đề án đóng cửa mỏ đều phải được thẩm định và phê duyệt nội dung, yêu cầu về đảm bảo an toàn, phục hồi môi trường, đất đai và các yêu cầu khác theo quy định tại các điểm b và d, khoản 2, Điều 40 của Luật khoáng sản.

Bộ Công nghiệp ban hành quy định chi tiết việc đóng cửa mỏ.

Chương 8:

NGUYÊN TẮC, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, CHUYÊN NHƯỢNG, ĐỀ THỪA KẾ QUYỀN THĂM DÒ, KHAI THÁC HOẶC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN

Điều 48.- Căn cứ chủ yếu để xét cấp giấy phép hoạt động khoáng sản bao gồm:

1/ Chiến lược của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội nói chung, đặc biệt là chiến lược phát triển các ngành công nghiệp liên quan đến khoáng sản như năng lượng, luyện kim, vật liệu xây dựng, phân khoáng, hoá chất, giao thông và sản xuất kinh doanh nguyên liệu khoáng.

2/ Chính sách của Đảng và Nhà nước về tài nguyên khoáng sản và các chiến lược, quy hoạch phát triển công nghiệp khai khoáng ở từng tỉnh, vùng, miền và trên phạm vi cả nước, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược phát triển các ngành công nghiệp trong từng thời kỳ.

3/ Hiệu quả kinh tế - xã hội của hoạt động khoáng sản cụ thể, gắn liền với các yêu cầu bảo đảm an ninh, quốc phòng, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nói chung, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và các lợi ích công cộng khác theo quy định của pháp luật liên quan.

4/ Các điều kiện về tài chính, tư cách pháp lý của chủ đơn (chủ đầu tư) theo quy định của pháp luật và các điều kiện cụ thể khác theo quy định của Nghị định này.

Điều 49.- Ngoài những căn cứ chủ yếu theo quy định tại Điều 48 của Nghị định này, việc cấp giấy phép thăm dò khoáng sản phải có ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về diện tích, ranh giới khu vực thăm dò, trong đó đã loại trừ khu vực cấm hoạt động khoáng sản.

Trong trường hợp đặc biệt, có thể tiến hành thăm dò hoặc khai thác khoáng sản ở những khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại Điều 19 của Nghị định này thì việc cấp giấy phép thăm dò ở đó phải có thoả thuận bằng văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quản lý đối tượng phải bảo vệ ở khu vực đó về ranh giới khu vực thăm dò và các điều kiện thi công công trình thăm dò có liên quan đến yêu cầu bảo vệ các đối tượng đó.

Điều 50.- Việc cấp giấy phép khai thác hoặc chế biến khoáng sản căn cứ vào văn bản thẩm định và quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo quy định tại Điều 44.

Điều 51.- Trước khi quyết định cấp giấy phép khai thác khoáng sản, cơ quan tiếp nhận đơn, hồ sơ xin khai thác khoáng sản phải thu thập ý kiến của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất, quản lý các tài nguyên, tài sản khác có liên quan đến hoạt động khai thác, nêu trước khi cấp giấy phép thăm dò các cơ quan đó hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh chưa có văn bản thoả thuận.

Chủ đơn (chủ đầu tư) có trách nhiệm tìm hiểu tình trạng đất đai đang sử dụng, hoa màu, tài sản gắn liền với đất đai, ý kiến của người sử dụng đất thuộc phạm vi xin khai thác khoáng sản và thông báo cho cơ quan tiếp nhận đơn xin khai thác khoáng sản.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan tiếp nhận đơn xin khai thác khoáng sản có thể công bố đơn xin khai thác trên các phương tiện thông tin đại chúng trước ngày cấp giấy phép khai thác không ít hơn hai mươi lăm (25) ngày để thu thập ý kiến, nếu có.

Các cơ quan được hỏi ý kiến theo thẩm quyền của mình có trách nhiệm trả lời cơ quan tiếp nhận đơn hoặc chủ đơn trong thời hạn chậm nhất là hai mươi lăm (25) ngày kể từ khi nhận được văn bản hỏi ý kiến.

Điều 52.-

1/ Khi nhận được đơn, hồ sơ hợp lệ về việc xin cấp giấy phép đầu tư khai thác hoặc chế biến khoáng sản bằng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công nghiệp xem xét, thu thập ý kiến các cơ quan hữu quan, trình Chính phủ quyết định hoặc tự quyết định theo thẩm quyền sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Công nghiệp.

2/ Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài được cấp giấy phép thăm dò được hưởng một số ưu đãi của giấy phép đầu tư như được nhập miễn thuế vào Việt Nam các thiết bị thăm dò, thiết bị văn phòng, thiết bị phân tích thí nghiệm (nếu cần thiết) nhằm mục đích thực hiện việc thăm dò theo dự án đã được duyệt. Bộ kế hoạch và Đầu tư quy định cụ thể các quyền ưu đãi của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài đầu tư thăm dò khoáng sản sau khi tham khảo ý kiến của các cơ quan liên quan.

3/ Giấy phép khai thác hoặc chế biến khoáng sản được cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài cùng với giấy phép đầu tư hoặc sau khi có giấy phép đầu tư theo quy định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

4/ Một giấy phép đầu tư cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài để thực hiện một dự án khai thác khoáng sản có thể bao gồm cả hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản.

Điều 53.- Thời hạn để thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, kể cả thời gian thu thập ý kiến của các cơ quan hữu quan, nhiều nhất là sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân trong nước và nhiều nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài.

Chậm nhất mười (10) ngày sau thời hạn trên, cơ quan có thẩm quyền phải hoàn tất việc cấp giấy phép hoặc trả lời chủ đơn xin cấp giấy phép bằng văn bản.

Điều 54.- Sau khi giấy phép hoạt động khoáng sản đã được cấp theo quy định của Nghị định này, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương có trách nhiệm giải quyết nhanh chóng các điều kiện liên quan đến việc thuê đất, sử dụng cơ sở hạ tầng và các điều kiện liên quan khác cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản.

Điều 55.- Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản có quyền trả lại từng phần diện tích hoặc trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản với các điều kiện sau đây:

1/ Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản đã hoàn thành mọi nghĩa vụ theo quy định của pháp luật đến thời điểm xin trả lại giấy phép; phục hồi môi trường, đất đai, bảo đảm an toàn ở phần diện tích xin trả lại.

2/ Trong thời hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày giấy phép thăm dò được trả lại, tổ chức, cá nhân được phép thăm dò phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 30 của Luật khoáng sản.

Trong thời hạn không quá sáu (6) tháng kể từ ngày giấy phép khai thác được trả lại, tổ chức, cá nhân được phép khai thác phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại các điểm b, c và d, khoản 2, Điều 40 của Luật khoáng sản.

3/ Được cơ quan có thẩm quyền cấp loại giấy phép đó cho phép trả lại bằng văn bản.

Điều 56.- Việc chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản phải tuân theo các quy định sau đây:

1/ Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò hoặc khai thác chỉ được chuyển nhượng quyền thăm dò, quyền khai thác cho tổ chức, cá nhân khác để tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đã được quy định trong giấy phép và theo quy định của pháp luật.

2/ Tài sản, tài liệu và giá trị được chuyển nhượng cũng như nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân được phép thăm dò hoặc khai thác còn chưa hoàn thành, được chuyển nhượng cùng với việc chuyển nhượng quyền thăm dò, quyền khai thác khoáng sản phải được kiểm kê, đánh giá đầy đủ, trung thực và xác định rõ ràng trong hợp đồng chuyển nhượng giữa các bên.

3/ Kèm theo hợp đồng và đơn xin chuyển nhượng quyền thăm dò hoặc quyền khai thác, tổ chức, cá nhân được phép thăm dò hoặc khai thác phải có báo cáo kết quả thăm dò, khai thác đến thời điểm xin chuyển nhượng.

4/ Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng quyền thăm dò, quyền khai thác khoáng sản phải có đủ các điều kiện pháp lý theo quy định tại Điều 15 của Nghị định này.

5/ Trong trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng là tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài thì phải có giấy phép đầu tư do Bộ kế hoạch và Đầu tư cấp theo quy định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

6/ Việc chuyển nhượng quyền thăm dò, quyền khai thác của tổ chức, cá nhân được phép thăm dò hoặc khai thác khoáng sản phải được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đó cho phép và phải nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 57.- Quyền thăm dò, quyền khai thác khoáng sản của cá nhân được phép thăm dò, khai thác được đề thừa kế trong trường hợp người thừa kế tài sản hợp pháp của cá nhân đó có đủ điều kiện theo quy định tại các Điều 15 và 16 của Nghị định này. Nếu người thừa kế tài sản hợp pháp của cá nhân được phép thăm dò, khai thác khoáng sản không đủ điều kiện để tiếp tục hoạt động theo quy định trong giấy phép thì có thể giải quyết như sau:

1/ Người thừa kế hợp pháp tài sản của cá nhân được phép thăm dò hoặc khai thác có thể chuyển nhượng quyền thăm dò, quyền khai thác khoáng sản theo giấy phép nếu điều kiện thực tế phù hợp với các quy định tại Điều 56 của Nghị định này.

2/ Giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản bị thu hồi, người thừa kế tài sản của cá nhân được phép thăm dò khoáng sản có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 30 của Luật khoáng sản; người thừa kế hợp pháp tài sản của cá nhân được phép khai thác khoáng sản có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điểm b, c, và d, khoản 2, Điều 40 của Luật khoáng sản.

Điều 58.- Giấy phép khảo sát khoáng sản bị thu hồi theo quy định tại Điều 24 của Luật khoáng sản. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân được phép khảo sát vi phạm một trong các quy định tại Điều 24 của Luật khoáng sản thì thời hạn cho phép để khắc phục không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cơ quan quản lý Nhà nước về khoáng sản của Bộ công nghiệp có văn bản thông báo.

Điều 59.- Giấy phép thăm dò khoáng sản bị thu hồi theo quy định tại Điều 29 của Luật khoáng sản. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân được phép thăm dò vi phạm một trong các quy định tại Điều 27 của Luật khoáng sản thì thời hạn cho phép để khắc phục không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày cơ quan quản lý Nhà nước về khoáng sản của Bộ Công nghiệp có văn bản thông báo.

Điều 60.- Giấy phép khai thác khoáng sản bị thu hồi theo quy định tại Điều 39 của Luật khoáng sản. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân được phép khai thác vi phạm một trong các quy định tại Điều 33 của Luật khoáng sản thì thời hạn cho phép để khắc phục không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày cơ quan quản lý Nhà nước về khoáng sản của Bộ Công nghiệp hoặc của Sở công nghiệp có văn bản thông báo theo thẩm quyền.

Điều 61.-

1/ Giấy phép chế biến khoáng sản được cấp cho tổ chức, cá nhân không phải là tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản với các điều kiện sau đây:

- a) Tổ chức, cá nhân xin phép chế biến có đủ điều kiện theo quy định tại các Điều 15 và 16 của Nghị định này.
- b) Báo cáo nghiên cứu khả thi về chế biến khoáng sản kèm theo đơn xin, có phương án công nghệ được thẩm định, phê duyệt, chấp thuận theo quy định tại Điều 44 của Nghị định này.
- c) Có báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

2/ Thời hạn của giấy phép chế biến khoáng sản căn cứ theo báo cáo nghiên cứu khả thi đối với từng dự án và phù hợp với giấy phép đầu tư hoặc quyết định đầu tư.

3/ Giấy phép chế biến khoáng sản bị thu hồi khi tổ chức, cá nhân được phép chế biến khoáng sản vi phạm một trong các quy định về nghĩa vụ theo quy định tại Điều 45 của Luật khoáng sản.

4/ Việc chuyển nhượng, để thừa kế quyền chế biến khoáng sản tuân theo các quy định tương ứng tại các Điều 56 và 57 của Nghị định này.

Điều 62.- Việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, trong các trường hợp sau đây, không phải xin giấy phép khai thác khoáng sản:

1/ Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong khuôn khổ các dự án xây dựng công trình hạ tầng của Nhà nước như xây đập, đào kênh thủy điện, thủy lợi, san gạt nền đường, đào đường hầm, nạo vét sông, hồ, bến cảng, công trình ngầm quốc phòng và các công trình khác của Nhà nước có tính chất tương tự, mà không khai thác khoáng sản ở ngoài diện tích xây dựng, không bán sản phẩm khai thác, dự án đầu tư và thiết kế xây dựng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2/ Việc tận thu, chuyên chở và sử dụng đất bóc, đá thải của mỏ đang hoạt động mà sản phẩm chính của mỏ không phải là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

3/ Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không nhằm mục đích kinh doanh trong phạm vi diện tích đất được Nhà nước giao cho các tổ chức, cá nhân sử dụng.

Điều 63.- Việc khai thác các loại đất nhằm mục đích cung cấp vật liệu san lấp trong xây dựng công trình, đô thị,... được phép hoạt động trên cơ sở bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- Có tài liệu khảo sát địa chất vùng khai thác chứng minh không có khoáng sản khác có giá trị cao hơn, được Sở công nghiệp xác nhận bằng văn bản.
- Đất xin khai thác không phải là đất nông nghiệp, đất rừng phòng hộ.
- Hoạt động khai thác không gây tác động xấu đến môi trường sinh thái, cảnh quan khu vực, không làm hư hại các công trình công cộng, cơ sở hạ tầng, di tích văn hoá, lịch sử.
- Được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép.

Điều 64.- Bộ Công nghiệp hướng dẫn chi tiết thủ tục cấp, gia hạn, cho phép trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép chuyển nhượng, để thừa kế quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và đăng ký các hoạt động khoáng sản để thống nhất thi hành trong phạm vi cả nước.

Chương 9:

KHAI THÁC TẬN THU

Điều 65.- Khai thác tận thu là hình thức hoạt động khoáng sản phù hợp với các điều kiện sau đây:

1/ Không bắt buộc tiến hành thăm dò toàn bộ diện tích khu vực được phép hoạt động trước khi bắt đầu khai thác.

2/ Khối lượng khai đào, bao gồm cả đất đá thải và khoáng sản đối với một giấy phép khai thác tận thu được cấp cho cá nhân (không phải là doanh nghiệp) không quá năm nghìn (5.000) tấn/năm, được cấp cho tổ chức không quá một trăm nghìn (100.000) tấn/năm.

3/ Công cụ và phương pháp hoạt động khai thác tận thu chủ yếu là thủ công, có thể sử dụng cơ giới nhỏ trong một số công đoạn; trong trường hợp có sử dụng vật liệu nổ thì phải có người sử dụng chuyên trách đã qua đào tạo, sát hạch và có chứng chỉ theo quy định của pháp luật; không sử dụng hoá chất độc.

4/ Trong trường hợp tổ chức là doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật để tổ chức cho cá nhân (không phải là doanh nghiệp) khai thác tận thu thông qua hình thức hợp đồng hoặc thẻ khai thác tận thu thì khối lượng khai đào hàng năm của từng hợp đồng hoặc thẻ khai thác tận thu áp dụng theo quy định đối với giấy phép khai thác tận thu được cấp cho cá nhân (không phải là doanh nghiệp).

5/ Mỗi cá nhân chỉ được cấp một giấy phép khai thác tận thu.

Điều 66.- Các khu vực được cấp giấy phép khai thác tận thu bao gồm:

1/ Khu vực có khoáng sản phân bố không tập trung, đầu tư khai thác quy mô công nghiệp không có hiệu quả kinh tế.

2/ Khu vực có khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà các điều kiện về kinh tế - xã hội cũng như nhu cầu tiêu thụ không cho phép đầu tư khai thác quy mô công nghiệp.

3/ Khu vực khai thác mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ mà điều kiện để khai thác lại xét thấy đầu tư khai thác quy mô công nghiệp thì không có hiệu quả kinh tế.

Điều 67.- Bộ Công nghiệp khoáng định các khu vực có điều kiện phù hợp với quy định tại Điều 66, khi có yêu cầu của địa phương, bàn giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và cấp giấy phép khai thác tận thu cho các tổ chức, cá nhân đối với mọi loại khoáng sản, trừ những khoáng sản và khu vực có quy định khác của Chính phủ; không cấp giấy phép khai thác tận thu đối với những khu vực chưa được Bộ Công nghiệp khoáng định và bàn giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 68.- Diện tích khu vực khai thác tận thu của một giấy phép cấp cho một tổ chức không quá hai mươi (20) héc-ta, cho một cá nhân (không phải là doanh nghiệp) không quá một (1) héc-ta.

Điều 69.- Thời hạn của một giấy phép khai thác tận thu không quá ba mươi sáu (36) tháng, được gia hạn nhiều lần, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá hai mươi bốn (24) tháng với các điều kiện sau đây, tại thời điểm xin gia hạn:

1/ Tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu đã hoàn thành mọi nghĩa vụ theo quy định tại Điều 52 của Luật khoáng sản.

2/ Khu vực xin gia hạn giấy phép còn phù hợp với hình thức khai thác tận thu theo quy định của Luật khoáng sản và các Điều 65 và 66 của Nghị định này.

3/ Giấy phép khai thác tận thu còn thời hiệu không ít hơn ba mươi (30) ngày.

Điều 70.- Giấy phép khai thác tận thu bị thu hồi theo quy định tại Điều 53 của Luật khoáng sản. Trong trường hợp có phát hiện mới về khoáng sản mà khu vực đang được phép khai thác tận thu không còn phù hợp với hình thức khai thác tận thu nữa thì giấy phép khai thác tận thu bị thu hồi và hậu quả được giải quyết theo quy định sau đây:

1/ Tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình ra khỏi khu vực khai thác, phục hồi môi trường, đất đai và được tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản đối với khu vực bị thu hồi giấy phép khai thác tận thu bồi thường thiệt hại; trong trường hợp không có tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản đối với khu vực đó hoặc giấy phép khai thác tận thu bị thu hồi theo quy định tại khoản 2, Điều 14 của Luật khoáng sản thì thiệt hại của tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu được Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết thỏa đáng.

2/ Nếu tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu có đủ điều kiện để thành lập doanh nghiệp hoạt động khoáng sản theo quy định tại các Điều 15 và 16 của Nghị định này thì được cấp giấy phép hoạt động khoáng sản mới đối với khu vực bị thu hồi giấy phép khai thác tận thu.

Điều 71.- Tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu có thể yêu cầu các cơ quan Nhà nước, các tổ chức nghiên cứu khoa học, công nghệ và các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản của Nhà nước hướng dẫn, giúp đỡ về kỹ thuật, công nghệ. Các tổ chức nói trên có trách nhiệm đáp ứng yêu cầu hợp lý của tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu.

Điều 72.- Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ các quy định của Luật khoáng sản và Nghị định này quy định chi tiết việc tổ chức quản lý và cấp giấy phép khai thác tận thu, phù hợp với điều kiện của địa phương sau khi thỏa thuận với Bộ Công nghiệp.

Chương 10:

THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ KHOÁNG SẢN

Điều 73.- Cơ quan quản lý Nhà nước về khoáng sản của Bộ Công nghiệp và Sở công nghiệp thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về khoáng sản (dưới đây gọi là thanh tra khoáng sản).

Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra khoáng sản tuân theo quy định tại các Điều 59, 60 của Luật khoáng sản, Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý khoáng sản, quy chế tổ chức và hoạt động thanh tra khoáng sản.

Điều 74.- Thanh tra khoáng sản phải tuân theo các quy định của pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường, chủ động phối hợp với thanh tra Nhà nước về lao động và thanh tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thành tra về an toàn lao động, vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản, đặc biệt là đối với hoạt động khai thác khoáng sản; phối hợp với Thanh tra Nhà nước của các ngành, các cấp để giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoáng sản.

Điều 75.- Bộ Công nghiệp ban hành quy chế tổ chức và hoạt động thanh tra khoáng sản sau khi thỏa thuận với Ban tổ chức - cán bộ Chính phủ, Thanh tra Nhà nước, Bộ lao động - Thương binh và xã hội, Bộ y tế và Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường.

Chương 11:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 76.- Nghị định này thay thế Nghị định 95/HĐBT ngày 25 tháng 3 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thi hành Pháp lệnh về tài nguyên khoáng sản.

Các quy định trước đây về quản lý, bảo vệ điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 77.- Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Thủ trưởng các bộ, ngành có liên quan trình Chính phủ ban hành các văn bản kèm theo Nghị định này và chịu trách nhiệm hướng dẫn chi tiết, theo dõi kiểm tra việc thi hành.

Điều 78.- Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Võ Văn Kiệt

(Đã ký)